**TUẦN 32: Thứ sáu, ngày …. tháng ….. năm……**

 **KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN - LỚP 3**

**Bài: DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT**

**( TIẾT 2/2) LUYỆN TẬP**

**SGK/Trang 73**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Hình thành quy tắc tim diện tích hình chữ nhật.

- Vận dụng quy tắc:

\* Tính diện tích hình chữ nhật khi biết chiều dài và chiều rộng.

\* Tính chiều dài (hoặc chiều rộng) khi biết diện tích và chiều rộng (hoặc chiều dài).

- Phân biệt cách tính chu vi và diện tích của hình chữ nhật.

- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến đo lường chu vi và diện tích hình chữ nhật.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp toán học và hợp tác: hoạt động nhóm.

- Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

- Năng lực mô hình hóa toán học.

- Năng lực tính toán, năng lực tư duy và lập luận toán học, khả năng sáng tạo.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**- Tích hợp :**  Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và xã hội, Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: đồ dùng dạy học của phần cùng học

- HS: HS: bộ đồ dùng học tập, 10 mảnh giấy kẻ ô vuông ( mỗi ô có cạnh dài 1 cm) 2 tờ giấy kẻ sẵn các ô vuông có cạnh 1 cm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động: (5 phút)**a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: … |
| - GV tổ chức hát để khởi động bài học.**- GV**  cho HS quan sát hình ảnh thực tế: - Yêu cầu HS : Tính và so sánh diện tích 2 hình.  ***Hình A Hình B******Sửa bài:***- GV gọi 1 HS nêu nhận xét.- Lớp bổ sung.**GV chốt câu trả lời đúng.*** GV nhận xét, gọi vài HS đọc quy tắc

GV cho HS kiểm tra lại kết quả bằng cách đếm số ô vuông trên hình vẽ.*GV giới thiệu bài:*  Tiết học hôm nay, chúng ta cùng thực hành tìm diện tích các hình chữ nhật nhé!*GV ghi tựa bài:* Luyện tập - Diện tích hình chữ nhật | **- HS hát:**- HS thực hiện.- HS nêu cách thực hiện.\* Diện tích hình ***A*** là: 2 x 5 = 10 cm2 \* Diện tích hình ***B*** là: 4 x 3 = 12 cm2 \* Diện tích hình ***A*** bé hơn diện tích hình ***B***- HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động Thực hành (30 phút)** |
| **2.1 Hoạt động 1 (15 phút): Luyện tập**a. Mục tiêu: \* Tính diện tích hình chữ nhật khi biết chiều dài và chiều rộng.\* Tính chiều dài (hoặc chiều rộng) khi biết diện tích và chiều rộng (hoặc chiều dài).b. Phương pháp, hình thức tổ chức: học nhómCách tiến hành: |
| **Bài 1:**- Gọi 1 HS nêu yêu cầu của đề bài:– HS làm việc nhóm đôi **nhận biết**  yêu cầu và thực hiện cá nhân viết vào sách/73***Sửa bài:***Cho HS chơi trò chơi “Đố bạn”:Gọi một số HS trình bày trước lớp.\* Diện tích hình chữ nhật có chiều dài 18 cm và chiều rộng 5 cm là 90 cm2  \* Diện tích hình chữ nhật có chiều dài 25 cm và chiều rộng 6 cm là 150 cm2  \* Chiều rộng của hình chữ nhật có chiều dài 8 cm và diện tích 32 cm2  là 4 cm (32 : 8 = 4 cm)\* Chiều dài của hình chữ nhật có chiều rộng 9 cm và diện tích 153 cm2  là 17 cm (153 : 9 = 17 cm)* ***GV chốt kiến thức:***

\* Muốn tìm chiều rộng của hình chữ nhật khi biết chiều dài và diện tích ta lấy ***diện tích hình chữ nhật chia cho chiều rộng.***\* Muốn tìm chiều dài của hình chữ nhật khi biết chiều dài và diện tích ta lấy ***diện tích hình chữ nhật chia cho chiều dài.***(GV lưu ý nhận xét cách viết tên hình, cách viết đơn vị cm2  trên bài làm của HS) | - HS đọc đề bài, lớp lắng nghe– HS làm việc nhóm đôi **nhận biết**  yêu cầu và thực hiện cá nhân viết vào sách/73- HS chơi theo hướng dẫn của quản trò.- HS nêu cách tìm kết quả.**-** HS sửa bài. (Nếu có sai)**- HS** đọc lại ghi nhớ. |
| **2.2 Hoạt động 2 (18 phút): Thực hành**a. Mục tiêu: - Vận dụng quy tắc: Tính diện tích hình chữ nhật khi biết chiều dài và chiều rộng.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Học nhóm |
| **Bài 2:**- Gọi 1 HS nêu yêu cầu của đề bài:– HS làm việc cá nhân thực hiện vào vở***Sửa bài:***- HSA Treo bài giải trên bảng.- Lớp nhận xét bài làm của bạn HSA- HSB Đọc bài làm của mình.* GV nhận xét cách trình bày, kết quả.

- Cho HS nêu nhận xét về đơn vị của chu vi và diện tích- Cho HS nhắc lại quy tắc tìm chu vi và diện tích hình chữ nhật(GV lưu ý nhận xét cách viết tên hình, cách viết đơn vị cm2  trên bài làm của HS) | - HS đọc đề bài, lớp lắng nghe– HS làm việc cá nhân.- HS­A thực hiện bài giải trên bảng phụ.- HSB Đọc bài làm của mình.- Lớp theo dõi, nhận xét cách trình bày trên bảng.- HS lắng nghe- HS nhắc lại. |
| **Bài 3:**- Gọi 1 HS nêu yêu cầu của đề bài:**GV** gợi ý ***Cách 1*** dùng gang bàn tay\* Em nhớ lại độ dài của bàn tay.\* Em nhớ lại độ dài của gang tay.\* Em nhớ lại độ dài của ngón tay.\* Em nhớ lại độ dài của ngón trỏ. GV gợi ý ***Cách 2:*** Dùng mắt quan sát+ Chiều dài bức tranh: HS có thể ước lượng qua hình ảnh các vật mẫu khác nhau, chẳng hạn: ***So với gang tay*** (ngắn hơn khoảng 1 hay 2 đốt ngón tay)-> Chiều dài gang tay trừ đi chiều dài 1 hay 2 đốt ngón tay -> Kết quả là số cần ước lượng.***So với ngón tay trỏ*** (gần được 2 ngón trỏ)-> Chiều dài 2 ngón trỏ bớt đi chiều dài khoảng 1 đốt ngón tay -> Kết quả là số cần ước lượng– HS làm việc nhóm đôi **nhận biết**  yêu cầu và thực hiện cá nhân viết vào sách/73***Sửa bài (3.a):******Bước 1:***- HSA Lên bảng ghi kết quả ước lượng, nêu cách ước lượng của nình. Hỏi: *Có bạn nào ước lượng theo cách của mình không?*- Tương tự GV gọi vài HS có cách ước lượng khác lên trình bày.- Lớp nhận xét.***Bước 2:***- Cho HS nêu kết quả chính xác đo được.* GV nhận xét kết quả.

(Chiều dài: 10 cm, chiều rộng : 8cm)\* GV Cho HS đối chiếu tìm độ lệch- GV hỏi thống kê độ lệch giữa 2 số đo của HS.- GV giải thích: *độ lệch càng nhỏ hoặc trung khớp là ước lượng tốt.*- *Khuyến khích những HS có số đo độ lệch cao, tập ước lượng lại vào tiết học buổi chiều*(GV lưu ý nhận xét cách viết tên hình, cách viết đơn vị cm2  trên bài làm của HS) | - HS đọc đề bài, lớp lắng nghe- HS thảo luận nhóm 2 ước lượng số đo bằng mắt và ghi kết quả.- HSA thực hiện.- HSB nêu.– HSC nêu số đo chính xác.Lớp nhận xét - HS lắng nghe, sửa lại bài sai nếu có.- HS lắng nghe |
| ***Sửa bài (3.b):***- HS1 Treo bài giải trên bảng.- HS2 Đọc bài làm của mình.- Lớp nhận xét bài làm của bạn HS1*Bài làm*Diện tích bức tranh là:10 x 8 = 80 (cm 2)Chu vi bức tranh là :(10 + 8) x2 = 36 ( cm)Đáp số : 80 (cm 2) 36 ( cm) GV nhận xét kết quả, cách trình bày.- Cho HS nhắc lại quy tắc tìm chu vi và diện tích hình chữ nhật(GV lưu ý nhận xét cách viết tên hình, cách viết đơn vị cm2  trên bài làm của HS) | - HS1 thực hiện bài giải trên bảng phụ.- HS2 Đọc bài làm của mình.- Lớp theo dõi, nhận xét cách trình bày trên bảng phụ của HS.- HS lắng nghe, sửa lại bài sai nếu có.- HS nhắc lại. |
| **\* Hoạt động nối tiếp: (5 phút)**a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Trò chơi học tập |
| **GV**  cho HS chơi trò: “Hỏi nhanh – Đáp gọn”HSI nêu câu hỏi, gọi 1 HS khác trả lời- Trả lời nhanh, chính xác được khen.- Lớp nhận xét bằng thẻ Đ/SGV gợi ý các câu hỏi xoay quanh nội dung đã học.\* Nêu quy tắc tính chu vi hình chữ nhật.\* Nêu quy tắc tính diện tích hình chữ nhật.\* Bạn hãy mô tả chu vi của mặt bàn.\* Bạn hãy mô tả diện tích trang giấy tập.…..GV chốt câu trả lời đúng , khen. | HS chơi- Lớp lắng nghe và nhận xét- Lớp nhận xét bằng thẻ Đ/S |
| **GV** nhận xét chung tiết học, khen các nhóm, các cá nhân học tập tốt cá nhân có tiến bộ trong học tập**Dặn dò:** Về nhà học thuộc quy tắc tính diện tích hình chữ nhật.Cách tìm chiều dài (hoặc chiều rộng) khi biết diện tích và chiều rộng (hoặc chiều dài).**Chuẩn bị bài:** Diện tích hình vuông Trang 74Cắt sẵn: 10 mảnh giấy kẻ ô vuông ( mỗi ô có cạnh dài 1 cm) 2 tờ giấy kẻ sẵn các ô vuông có cạnh 1 cm. | - HS lắng nghe. |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................